

5. **Übung:** Bilden Sie einen vollständigen Satz, indem Sie thay vì verwenden, ein Subjekt ergänzen und A und B mit einem weiteren Wort miteinander verbinden.

A tiền B sách

Thay vì tặng tiền, bố tặng tôi một cuốn sách về Quản lý thời gian.

A

nhẫn kim cương
đám cưới to
ở khách sạn
xem Chèo
học tiếng Hàn Quốc
đi du lịch
học ngoại ngữ ở lớp
đi lính
áo dài truyền thống
tiệc cưới trà
mừng tiền cưới
về quê

B

nhẫn bạc
chỉ làm lễ đăng ký kết hôn trước chính quyền
ở nhà hàng
xem Múa rối nước
học tiếng Việt
làm từ thiện ở trại dưỡng lão
nói chuyện với người bán hàng ở chợ
phục vụ trong bệnh viện.
mặc váy cưới.
tiệc cưới mặn
tặng đồ gia dụng
đi nghỉ tuần trăng mật

6. **Testübung:**

Bạn là người

- chỉ muốn đăng kí kết hôn chính thức, không cần lễ cưới.
- chỉ thích sống cùng với người yêu, không cần thiết đăng kí kết hôn.

Bạn thích tổ chức đám cưới không? Nếu có, bạn sẽ làm ở

- khách sạn sang trọng.
- nhà hàng bình dân.
- ở nhà thờ và chỉ có hai người.
- ở nhà.
- ở dưới biển.
- ở một khách sạn ở nước ngoài.
- trên tàu thủy.

Bạn thích mặc gì trong đám cưới

- áo dài truyền thống Việt Nam.
- quần áo truyền thống của Đức hay của nước bạn.
- váy cưới (nữ)/ comple (nam).
- váy, quần áo dạ hội.
- quần áo thường ngày.
- quần áo thể thao.

Bạn thích được tặng quà gì trong đám cưới

- đồ dùng trong nhà bếp.
- đồ dùng phòng khách.
- đồ dùng phòng ngủ.
- tiền.
- đồ trang sức (bằng vàng, bạc ...).
- một chuyến du lịch.

- g. một cái ô tô.
- h. vé xem hòa nhạc.
- i. một con vật nuôi mà bạn thích (chó Pugs, mèo, chim...).
- k. vé đi Spa-Wellness một tuần.

Bạn thích trải nghiệm tuần trăng mật ở

- a. trong nước
- b. nước ngoài
- c. nhà
- d. nơi khác?

7.1 Übung: Setzen Sie die Wörter **vay**, **mượn**, **tậu**, **suýt nữa** und **suýt** an der richtigen Stelle ein (die Wörter können auch zweimal verwendet werden).

- a. Bạn trai tôi mới (.....) được một ngôi biệt thự rất đẹp ở ngoại ô.
- b. Em cần tiền mừng đám cưới. Chị cho em (.....) một triệu nhé?
- c. Trời ơi, (.....) thì tôi quên mất ngày sinh của vợ.
- d. Nếu có đủ tiền, nhất định anh sẽ (.....) một chiếc thuyền buồm cho em!
- e. Xin cho tôi (.....) cái bút của chị một chút, tôi quên mang theo.
- f. (.....) thì chị Phương không kịp may áo dài cưới.
- g. Ngày trước, hàng xóm thường (.....) nhau gạo, nước mắm, dầu đốt ...
- h. Ở nước bạn, sinh viên có (.....) quần áo, giày dép, đồ trang sức của bạn để đi chơi không?
- i. Tôi (.....) đi học muộn vì ngủ quên.

7.2 Lustige Testübung mit vay, mượn. Markieren Sie die Sätze, die für Sie zutreffen!

- a. Bạn chưa bao giờ phải vay tiền.
- b. Bạn đã từng vay tiền để đi du lịch.
- c. Bạn đã từng vay tiền để mua sắm (quần áo, xe đạp, ô tô...).
- d. Bạn chưa bao giờ cho ai vay tiền.
- e. Bạn đang nợ tiền nhưng chưa muốn trả.
- f. Bạn đã từng mượn gì đó của ai.
- g. Bạn đã cho ai mượn gì đó nhưng họ không trả lại.
- h. Bạn đã mượn cái gì đó của ai nhưng quên không trả.

8. Übung: Ein Freund hat die Wörter **vác**, **cồng**, **mang**, **cầm**, **khiêng**, **bê/ bưng**, **bé**, **xách**, **khoác**, (**đeo**) und **thồ** in den Sätzen unten nicht richtig verwendet. Helfen Sie ihm!

- a. Cháu vác em bé đi đâu thế?
- b. Anh làm ơn khoác va li lên tầng trên giúp tôi với!
- c. Cô Thu ơi, để chúng em bé va li giúp cô.
- d. Hiếu Minh được gia đình anh Sơn nhờ đi cầm traps ăn hỏi.